TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST Ngày: 25-6-2025. "V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hồng Thơ.
2. Ông Nguyễn Phú Hữu.

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Thanh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 25/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2024/TLST- HNGĐ, ngày 23/5/2025 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Thị U, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Số nhà A, đường N1, Tổ M, ấp HK, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn H, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Tổ M, ấp HK, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà U có mặt tại phiên tòa, ông H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị U và ông Nguyễn Văn H được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi và không sống chung từ năm 2015. Trong thời gian xa nhau, vợ chồng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay bà U nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà Lê Thị U và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung Lê Minh T, sinh ngày 11/11/2002; Lê Trúc M, sinh ngày 02/12/2007, hiện Trúc M đang sống với bà U. Sau khi ly hôn, bà U yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Lê Trúc M, không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Riêng con chung Lê Minh T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ý kiến ngày 30/5/2025, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H thống nhất lời trình bày của bà U về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Nay ông Nguyễn Văn H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà U.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Minh T, sinh ngày 11/11/2002; Lê Trúc M, sinh ngày 02/12/2007. Hiện nay con chung Lê Minh T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay con chung Lê Trúc M đang sống chung với mẹ. Sau khi ly hôn, ông H đồng cho bà U tiếp tục nuôi nuôi dưỡng con chung Lê Trúc M, ông Út không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Thị U và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn ông Nguyễn Văn H có địa chỉ tại xã H, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn H nhưng ông H không có mặt tại phiên tòa, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị U và ông Nguyễn Văn H được xác lập vào năm 2002, do hai ông bà tự nguyện và thừa nhận, ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng ông bà

không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn của ông bà để cho hay không cho ly hôn mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Lê Thị U và ông Nguyễn Văn H để làm cơ sở chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng của ông bà.

[2.2] Về con chung: Bà U và ông H có 02 con chung Lê Minh T, sinh ngày 11/11/2002; Lê Trúc M, sinh ngày 02/12/2007. Tại phiên tòa, bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Trúc M, sinh ngày 02/12/2007, ông H có văn bản ý kiến đồng ý cho bà U tiếp tục nuôi con tên Lê Trúc M nhưng tại phiên tòa ông H vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy con chung đã được bà U chăm sóc ổn định và phát triển tốt nên tiếp tục giao con chung cho bà U nuôi là phù hợp nguyện vọng của Trúc M và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà U, giao con chung tên Lê Trúc M, sinh ngày 02/12/2007 cho bà U tiếp tục nuôi là có căn cứ.

Riêng con chung Lê Minh T, sinh ngày 11/11/2002 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị U trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết; tại văn bản ý kiến ngày 30/5/2025 ông H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Bà Lê Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Lê Thị U và ông Nguyễn Văn H.

[2] *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị U.

Giao con chung tên Lê Trúc M, sinh ngày 02/12/2007 cho bà U tiếp tục nuôi, hiện con chung đang sống với bà U.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Riêng con chung Lê Minh T, sinh ngày 11/11/2002 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* bà Lê Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003701 ngày 22/5/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà U đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Trinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

…..…… **NGUYỄN THỊ CẨM TRINH**